

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2025

V/v: *Ly hôn giữa chị Vinh và anh
Nam.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yển, ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Bắc .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “ Ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn số 60/2025/QĐ - ST ngày 30/6/2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/3/2025 và trong các lời khai chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức N ngày 05/11/2015, trước khi kết hôn anh chị được tìm hiểu tự nguyện, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi kết hôn anh chị có được hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa

phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh N làm dâu tại thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu tháng 01/2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, không vun vén hạnh phúc cho gia đình, thường xuyên chơi bời, anh chị đã tự hoà giải và được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng đều không đạt được kết quả như mong muốn. Chị và anh N đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 27/6/2018. Chị đề nghị Toà án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, thực tế hiện nay chị cũng đang trực tiếp nuôi cháu L từ nhỏ, cháu L đang ở với chị. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Đức N đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Ông Nguyễn Đức T (Bố đẻ của anh N) ở cùng địa chỉ xác nhận anh N đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về nhà. Sau khi nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh N như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông đã giao lại cho anh N như cam kết với Tòa án, anh N đã nhận được và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đức N vắng mặt.

Tại biên bản xác minh 27/5/2025 Toà án làm việc với Công an xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh N là công dân của thôn D, xã B hiện nay anh N vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã B, không có thông tin chuyển khẩu và tạm trú tạm vắng đi nơi khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227;

Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị V nuôi con Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 27/6/2018. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh N có hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã B, tỉnh Bắc Ninh. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam nay là Tòa án Khu Vực 4 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về phía anh N chị V tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến dự phiên tòa xét xử vụ án. Chị V do bận công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn bị đơn.

[2] *Về nội dung*: Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Nguyễn Đức N năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay và hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc anh N không tu trí làm ăn chị V và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi nên chị làm đơn xin ly hôn. Chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ 2018 đến nay điều đó đã chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị V được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh N chị V có 1 con chung cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 27/6/2018 hiện cháu L đang ở với ở với chị V. Sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi con. Cháu L có nguyện vọng được ở với chị V. Xét thấy yêu cầu, nguyện vọng của đương sự là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm,

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị V nuôi con Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 27/6/2018. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 09/4/2025 theo biên lai thu số 0004735.

4. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhữn:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Đông Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG xĐt xã s- thỀm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8... giờ...10 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L1

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh K, ông Nguyễn Trọng T1.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị L2, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị N1 - Thuộc Công ty L3 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lưu Văn D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị L2 được ly hôn anh Lưu Văn D.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. *Về án phí:* Chị Chu Thị L2 phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 21/10/2024 theo biên lai thu số 0008509.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 20 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Đặng Minh Khôi
Tân**

Nguyễn Trọng

Nguyễn Thị Lự

